

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/10/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đán và bà Trần Thị Lịch

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Nguyễn Thị Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 22/10/2020, tại trụ sở Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/8/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1992; Có mặt

HKTT: Thôn P, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ở hiện tại: Đội 5, thôn L, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989; Có mặt.

HKTT: Thôn P, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T đăng ký kết hôn ngày 25/3/2016 tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng lúc ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Theo chị, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng tháng 01/2017 sau khi chị sinh con gái lớn, nguyên nhân do anh T cờ bạc, nợ nần, không chung thủy và thiếu tôn trọng chị dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh chị sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh T.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Kim Bảo Q, sinh ngày 17/12/2016 và Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/01/2019. Hiện các cháu khỏe mạnh, cháu Q đang ở với anh T, cháu L ở với chị nhưng anh T mới đón cháu về ở với anh T khoảng 01 tuần nay. Ly hôn chị xin nuôi cháu L để anh T nuôi cháu Q. Cấp dưỡng nuôi con anh chị không phải đóng góp cho nhau. Anh

chị cùng có quyền đi lại thăm các con. Chị hiện đang làm việc và sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại quán bán hàng ăn của bố mẹ ở Hà Nội. Thu nhập hàng tháng của chị là 08 triệu đồng/ tháng nhưng chị không có tài liệu chứng minh thu nhập giao nộp cho Tòa án.

Tài sản chung và nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Văn T trình bày: Anh chị kết hôn ngày 25/3/2016 như chị N trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tại phiên tòa anh thừa nhận trước đây anh có cờ bạc, nợ nần nhưng hiện tại anh đã tu chí làm ăn, anh có thời gian không chung thủy với vợ nhưng đó không phải là anh dành tình cảm cho người phụ nữ khác. Anh vẫn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ. Tuy nhiên anh không đưa ra được phương án nào để vợ chồng đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần nhưng anh vẫn chưa có phương án nào để vợ chồng tiếp tục về chung sống ngoài lời trình bày nguyện vọng đoàn tụ của mình.

Con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Kim Bảo Q, sinh ngày 17/12/2016, Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/01/2019. Hiện các cháu khỏe mạnh. Cháu lớn ở với anh từ đầu tháng 9/2020 đến nay, cháu bé ở với chị N nhưng anh mới đón cháu về ở với anh khoảng 01 tuần nay. Ly hôn anh xin nuôi cả 02 con. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị N phải đóng góp. Chị N có quyền đi lại thăm con. Anh hiện đang làm công nhân ở khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có thu nhập hàng tháng. Tại phiên tòa anh giao nộp 01 hợp đồng lao động có dấu của công ty TNHH Minh Dương Tech và 01 bảng lương với mức lương hơn 15 triệu đồng có chữ ký của anh nhưng không đóng dấu công ty để chứng minh thu nhập của bản thân, chứng minh đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cả 02 con.

Tài sản chung, nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa HĐXX đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn anh Hoàng Văn T
- Con chung: Giao con chung là Hoàng Kim Bảo Q, sinh ngày 17/12/2016 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; giao con chung là Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/01/2019 cho chị Nguyễn Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không phải đóng góp cho nhau. Chị N và anh T cùng có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Hồng N và anh Hoàng Văn T cùng có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Hoàng Văn T kết hôn ngày 25/3/2016, được UBND xã Đ cho đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N, vợ chồng mâu thuẫn vì anh T cờ bạc, nợ nần, anh T không chung thủy và thiếu tôn trọng chị nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Hiện vợ chồng không thể đoàn tụ do tình cảm không còn nên chị xin ly hôn anh T. Anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn. Tòa án đã lấy lời khai của ông Hoàng Văn H là bố đẻ anh T và bà Lê Thị Kh là mẹ đẻ của chị N xác định chị N và anh T mâu thuẫn vì anh T cờ bạc, nợ nần, gia trưởng và không chung thủy. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Gia đình hai bên đã khuyên can nhưng anh chị N – T không thể đoàn tụ. Anh T xin đoàn tụ nhưng không có phương án đoàn tụ cụ thể nào. Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần nhằm tạo điều kiện để chị N và anh T có thời gian suy nghĩ và có phương án đoàn tụ nhưng anh T không có phương án đoàn tụ nào ngoài lời trình bày về nguyện vọng xin đoàn tụ. Như vậy, xác định chị N và anh T có mâu thuẫn, đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp.

Con chung: Anh, chị có 02 con chung là Hoàng Kim Bảo Q, sinh ngày 17/12/2016 và Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/01/2019. Quá trình giải quyết vụ án chị N có nguyện vọng nuôi cháu L, đề nghị anh T nuôi cháu Q. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra đối với chị N và anh T. Anh T có nguyện vọng nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, vợ chồng anh chị N - T có 02 con chung, các cháu khỏe mạnh. Anh chị cùng đi làm, có thu nhập hàng tháng nên có điều kiện nuôi con như nhau. Thực tế, cháu Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/01/2019 còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần giao cho chị N và anh T mỗi người có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp. Do chị N và anh T mỗi người nuôi 01 con nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra đối với hai bên. Chị N và anh T cùng có quyền đi lại thăm con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 248, 249, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N. Xử cho chị Nguyễn Hồng N được ly hôn anh Hoàng Văn T

Con chung: Giao con chung là Hoàng Bảo L, sinh ngày 29/01/2019 cho chị Nguyễn Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung là Hoàng Kim Bảo Q, sinh ngày 17/12/2016 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không phải đóng góp cho nhau. Chị N và anh T cùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

2. Án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001883 ngày 24/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Minh Nguyệt

